

**BẢNG ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN
KINH TẾ XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH 11 THÁNG NĂM 2024
ĐƯỢC GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3568/QĐ-UBND NGÀY 12/12/2023 CỦA UBND TỈNH VÀ
NGHỊ QUYẾT 292/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 CỦA HĐND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**
(Đính kèm: Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tại NQ số 292/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TPVT	Tại QĐ số 3568/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh BR-VT	Kết quả thực hiện (10 tháng năm 2024)	Đánh giá so với NQ của HĐND TPVT	Đánh giá so với dự toán Tỉnh giao	Ghi chú
I. NHÓM CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (16 CHỈ TIÊU). Kết quả: 02 chỉ tiêu về thu, chi ngân sách đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu tình giao, 10 chỉ tiêu đạt tiến độ kế hoạch; 1 chỉ tiêu giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt tiến độ so với kế hoạch đề ra; 3 chỉ tiêu đang thực hiện.							
Về lĩnh vực kinh tế							
1	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2024	9.461 tỷ đồng		9.144 tỷ đồng	Đạt 96,65% NQ HĐND Thành phố, tăng 12,09% so với cùng kỳ		Đạt tiến độ so với kế hoạch
2	Số lượt khách du lịch lưu trú qua đêm	2,552 triệu lượt		Đánh giá theo quý, 9 tháng, cuối năm.			Đạt tiến độ so với kế hoạch
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	40.061 tỷ đồng		38.376 tỷ đồng	Đạt 95,79% NQ HĐND Thành phố, tăng 5,68% so với cùng kỳ		Đạt tiến độ so với kế hoạch
4	Doanh thu dịch vụ vận tải, kho bãi	11.255 tỷ đồng		10.758 tỷ đồng	Đạt 95,58% NQ HĐND Thành phố, tăng 8,31% so với cùng kỳ		Đạt tiến độ so với kế hoạch
5	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp	40.150 tỷ đồng		37.033 tỷ đồng	Đạt 92,24% NQ HĐND Thành phố, tăng 7,41% so với cùng kỳ		Đạt tiến độ so với kế hoạch

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tại NQ số 292/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TPVT	Tại QĐ số 3568/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh BR-VT	Kết quả thực hiện (10 tháng năm 2024)	Đánh giá so với NQ của HĐND TPVT	Đánh giá so với dự toán Tỉnh giao	Ghi chú
6	Giá trị ngành nông nghiệp	25,5 tỷ đồng		23,9 tỷ đồng	Đạt 93,73% NQ HĐND Thành phố, bằng 97,15% so với cùng kỳ		Đạt tiến độ so với kế hoạch
7	Giá trị sản xuất ngành ngư nghiệp	12.897 tỷ đồng		12.228 tỷ đồng	Đạt 94,81% NQ HĐND Thành phố, tăng 2,76% so với cùng kỳ		Đạt tiến độ so với kế hoạch
8	Sản lượng khai thác hải sản	237.114 tấn		217.565 tấn	Đạt 91,76% NQ HĐND Thành phố, bằng 100,41% so với cùng kỳ		Đạt tiến độ so với kế hoạch
9	Sản lượng nuôi trồng thủy sản	7.123 tấn		7.188 tấn	Đạt 100,91% NQ HĐND Thành phố, tăng 5,10% so với cùng kỳ		Đã hoàn thành chỉ tiêu TP
Về thu, chi ngân sách và đầu tư công							
10	Thu ngân sách	4.808,821 tỷ đồng	4.391,744 tỷ đồng	4.534,911 tỷ đồng	Đạt 94,30% so với dự toán thành phố xây dựng	Đạt 103,26% so dự toán tỉnh giao	Vượt chỉ tiêu tỉnh giao
11	Trong đó: Thu thuế	4.136,100 tỷ đồng	4.136,100 tỷ đồng	4.055,107 tỷ đồng	Đạt 98,04% so dự toán thành phố xây dựng	Đạt 98,04% so dự toán tỉnh giao	Đạt tiến độ so với kế hoạch
12	Chi ngân sách	2.574,809 tỷ đồng	2.157,732 tỷ đồng	2.225,882 tỷ đồng	Đạt 86,45% dự toán thành phố xây dựng	Đạt 103,16% so với tỉnh giao	Vượt chỉ tiêu tỉnh giao
13	Thành phố thực hiện đầu tư 147 công trình với tổng kế hoạch vốn 2.606,958 tỷ đồng.	97 công trình, đồ án quy hoạch, với tổng số vốn là 787,224 tỷ đồng bằng nguồn vốn NS Thành phố.	50 công trình với tổng số vốn là 1.819,734 tỷ đồng bằng nguồn vốn NS Tỉnh.	Đến ngày 25/11/2024 giải ngân đạt 1.661,396 tỷ đồng, tương đương 63,73%.	Nguồn vốn NS Thành phố: Đến ngày 25/11/2024 giải ngân đạt 637,118 tỷ đồng, tương đương 80,93%.	Nguồn vốn NS tỉnh: Đến ngày 25/11/2024 giải ngân đạt 1.024,278 tỷ đồng, tương đương 56,29%.	Chưa đạt tiến độ so với kế hoạch

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tại NQ số 292/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TPVT	Tại QĐ số 3568/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh BR-VT	Kết quả thực hiện (10 tháng năm 2024)	Đánh giá so với NQ của HĐND TPVT	Đánh giá so với dự toán Tỉnh giao	Ghi chú
Vốn mới trong năm tham gia vào sản xuất kinh doanh							
14	Thương mại - Dịch vụ	19.300 tỷ đồng	Thực hiện đánh giá vào cuối năm				
15	Hải sản	3.600 tỷ đồng	Thực hiện đánh giá vào cuối năm				
16	Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	9.000 tỷ đồng	Thực hiện đánh giá vào cuối năm				
II. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ CÁC VẤN ĐỀ VĂN HÓA, Y TẾ, GIÁO DỤC, ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI (14 CHỈ TIÊU). Kết quả: 02 chỉ tiêu về lĩnh vực giáo dục đã đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao và kế hoạch thành phố; 03 chỉ tiêu về lĩnh vực y tế (Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế; Huy động hiến máu nhân đạo; Số phường, xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế) đã đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao và kế hoạch thành phố; 03 chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa đã đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch thành phố; 01 chỉ tiêu đạt tiến độ kế hoạch đề ra; 06 chỉ tiêu đang thực hiện).							
1	Tỷ lệ huy động các cháu vào nhà trẻ so với nhóm tuổi	40,50%	40,00%	40,50%	100,00%	101,25%	Đã vượt chỉ tiêu tỉnh giao và NQ HĐND TP
2	Tỷ lệ huy động các cháu vào mẫu giáo so với nhóm tuổi	96,50%	96,30%	96,50%	100,00%	100,21%	Đã vượt chỉ tiêu tỉnh giao và NQ HĐND TP
3	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế là	93,82%	93,82%	95,15%	101,42%	101,42%	Đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao và

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tại NQ số 292/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TPVT	Tại QĐ số 3568/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh BR-VT	Kết quả thực hiện (10 tháng năm 2024)	Đánh giá so với NQ của HĐND TPVT	Đánh giá so với dự toán Tỉnh giao	Ghi chú
							NQ HĐND TP. Tiếp tục duy trì
4	Huy động hiến máu nhân đạo (Đơn vị máu)	6.100	4.650	5.751	94,28%	123,68%	Đã vượt chỉ tiêu tỉnh giao
5	Số phường, xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	17		17	100%		Đã đạt NQ HĐND TP và tiếp tục duy trì
6	Tỷ lệ ấp (khu phố) đạt tiêu chuẩn văn hoá	95,00%		99,09	104,31%		Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu NQ HĐND TP
7	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá	98,00%		98,69	100,70%		Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch
8	Số phường đạt tiêu chuẩn phường đô thị văn minh	16		16	100%		Đã hoàn thành NQ HĐND TP

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tại NQ số 292/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TPVT	Tại QĐ số 3568/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh BR-VT	Kết quả thực hiện (10 tháng năm 2024)	Đánh giá so với NQ của HĐND TPVT	Đánh giá so với dự toán Tỉnh giao	Ghi chú
9	Số hộ nghèo thoát nghèo theo chuẩn Tỉnh (Hộ)	12	10	Thực hiện đánh giá vào cuối năm			
10	Số hộ nghèo còn lại theo chuẩn Tỉnh	118	120	Thực hiện đánh giá vào cuối năm			
11	Số hộ nghèo còn lại theo tiêu chuẩn Quốc gia	0		Thực hiện đánh giá vào cuối năm			
12	Tỷ lệ hộ nghèo còn lại theo chuẩn Tỉnh/tổng số hộ dân (%)	0,11	0,12	Thực hiện đánh giá vào cuối năm			
13	Tỷ lệ hộ nghèo còn lại theo chuẩn Quốc gia/tổng số hộ dân	0		Thực hiện đánh giá vào cuối năm			
14	Số lao động được giải quyết việc làm tăng thêm	3.200	3.200				Đạt tiến độ so với kế hoạch
III. NHÓM CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH (02 CHỈ TIÊU). Kết quả: Đã hoàn thành 02/2 chỉ tiêu chỉ tiêu.							
1	Duy trì 100% Ban Chỉ huy quân sự, phường, xã vững mạnh toàn diện	Duy trì 100% Ban Chỉ huy quân sự, phường, xã vững mạnh toàn diện		Đã duy trì 100% Ban Chỉ huy quân sự, phường, xã vững mạnh toàn diện	100%		Đã hoàn thành NQ HĐND TP
2	Triển khai các bước tuyển quân đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao	Triển khai các bước tuyển quân đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao		Đã hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao	100%		Đã hoàn thành NQ HĐND TP